TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày: 24/01/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Gia Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2023/TLST-DS ngày 12/7/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 121a/2023/QĐ-GHXX ngày 13/11/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-DS ngày 21/12/2023 và quyết định hoãn phiên toà số 03/2024/QĐST-DS ngày 05/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A do ông PRART JETJUMNONG - Chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.
Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 Nguyễn Du, phường Bến Thuỷ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Địa chỉ hội sở: Số 928 Lạc Long Quân, phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ chi nhánh: Số 53 đường Tôn Đức Thắng, phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của ông PRART JETJUMNONG:
Ông Lưu Quang Hiển – sinh năm 1981 (vắng mặt có lý do)
Địa chỉ: Số 624 Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Lê Thị T - sinh năm 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn An Phú, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2023 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Srisawad ủy quyền cho ông Lưu Quang Hiển trình bày: Ngày 20/10/2020, bà Lê Thị T đến Chi nhánh của Công ty TNHH A tại Phan Thiết ký hợp đồng cầm cố tài sản số: PHM2012001039NA17X cầm cố 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-739.21; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 050712 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/8/2019; loại xe Honda VISION 110CC màu đen đỏ để lấy 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng); lãi suất 1,1%/tháng; thời hạn cầm cố 12 tháng từ 20/10/2020 đến ngày 20/10/2021, mỗi tháng trả 1.872.133đ vào ngày 20 hàng tháng. Ngày 20/10/2020 bà Lê Thị T mượn xe mô tô trên để sử dụng và hẹn đến ngày 20/11/2020 trả xe nhưng không trả. Trong quá trình trả nợ thì bà Lê Thị T trả 05 kỳ được 9.839.000đ, trong đó tiền gốc 5.729.536đ, tiền lãi 3.654.379đ, tiền phạt 455.084đ. Số tiền còn lại 10.793.713đ Công ty TNHH A có đòi nợ nhiều lần nhưng bà T không trả. Nay Công ty TNHH A yêu cầu Lê Thị T trả tiền gốc là 10.793.713đ và lãi trong hạn 4.112.045đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2024 là 3.835.006đ, tổng cộng **18.740.764đ**.

Trường hợp bà Lê Thị T không thanh toán số tiền trên thì bà T phải giao trả 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-739.21; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 050712 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/8/2019; loại xe Honda VISION 110CC màu đen đỏ cho Công ty TNHH A để thanh toán nợ.

Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt không trình bày gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A, buộc bà Lê Thị T phải trả cho Công ty TNHH A tiền gốc là 10.793.713đ và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2024 là 7.947.051đ, tổng cộng 18.740.764đ (mười tám triệu bảy trăm bốn ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng). Trường hợp bà Lê Thị T không thi hành được khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-739.21; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 050712 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/8/2019; loại xe Honda VISION 110CC màu đen đỏ. Bà Lê Thị T có trách nhiệm giao lại 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-739.21; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 050712 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/8/2019; loại xe Honda VISION 110CC màu đen đỏ cho Cơ quan Thi hành án dân sự để thực hiện thủ tục bán xe thu hồi nợ cho Công ty TNHH A.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của bà Lê Thị T không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, bà Lê Thị T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà Lê Thị T vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ bà Lê Thị T đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị T.

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-DS ngày 21/12/2023 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty TNHH A có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên Công ty TNHH A cho bà T vay tiền có cầm cố tài sản xảy ra tranh chấp nên đây là "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Căn cứ Hợp đồng cầm cố tài sản số: PHM2012001039NA17X ngày 20/10/2020 thì Lê Thị T ký hợp đồng với Công ty TNHH A để cầm cố 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-739.21; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 050712 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/8/2019; loại xe Honda VISION 110CC màu đen đỏ để lấy 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng); lãi suất 1,1%/tháng; thời hạn cầm cố 12 tháng từ 20/10/2020 đến ngày 20/10/2021. Vì vậy có đủ cơ sở xác định hợp đồng cầm cố tài sản giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật, đến hạn trả nợ bà Lê Thị T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình mà chỉ trả 9.839.000đ, trong đó tiền gốc 5.729.536đ, tiền lãi 3.654.379đ, tiền phạt 455.084đ. Số tiền còn lại 10.793.713đ Công ty TNHH A có đòi nợ nhiều lần nhưng bà T không trả. Nay Công ty TNHH A yêu cầu Lê Thị T trả tiền gốc là 10.793.713đ và lãi trong hạn 4.112.045đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2024 là 3.835.006đ, tổng cộng **18.740.764đ** là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]Công ty TNHH A yêu cầu bà Lê Thị T giao 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-739.21; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 050712 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/8/2019; loại xe Honda VISION 110CC màu đen đỏ để thanh toán nợ Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Mục 4 Phần I: Xử lý tài sản cầm cố của Bản lưu ý cho khách hàng ngày 20/10/2020 quy định: "*Bên B (bà Lê Thị T) thỏa thuận rằng nếu không trả nợ gốc, tiền lãi, tiền phí đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng này tại kỳ thanh toán đầu tiên và bất cứ kỳ thanh toán nào tiếp theo thì Bên B đồng ý để cho Bên A có quyền xử lý tài sản theo quyết định của bên A bao gồm ... b. Bên B bằng hợp đồng này ủy quyền và trao toàn quyền cho Bên A bán hoặc chyển*

giao tài sản cầm cố theo cách thức, giá cả do Bên A tự quyết định như thể Bên A là chủ tài sản cầm cố". Theo quy định tại Khoản 2 Điều 314 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Bên nhận cầm cố có quyền xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật*". Do đó, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản cầm cố trong trường hợp bị đơn không thực hiện được theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4]Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là thỏa đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên Công ty TNHH A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 950.000đ (chín trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0019513 ngày 21/6/2023.

Do bà Lê Thị T buộc phải trả tiền nợ là 18.740.764đ cho Công ty TNHH A vì vậy bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 937.000đ (18.740.764đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 309, Điều 310, Điều 312, khoản 2 Điều 314 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A, buộc bà Lê Thị T phải trả cho Công ty TNHH A tiền gốc là 10.793.713đ và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2024 là 7.947.051đ, tổng cộng **18.740.764đ** (mười tám triệu bảy trăm bốn ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng).

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Trường hợp bà Lê Thị T không thi hành được khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-739.21; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 050712 do Công an

huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/8/2019; loại xe Honda VISION 110CC màu đen đỏ. Bà Lê Thị T có trách nhiệm giao lại 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-739.21; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 050712 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/8/2019; loại xe Honda VISION 110CC màu đen đỏ cho Cơ quan Thi hành án dân sự để thực hiện thủ tục bán xe thu hồi nợ cho Công ty TNHH A.

3.Về án phí, lệ phí: Căn cứ: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty TNHH A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 950.000đ (chín trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0019513 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **937.000đ** (chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH A và bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Thanh Quang